



DÔNG DƯƠNG

**CÔNG TY ĐẦU GIÁ
HỢP DANH ĐÔNG DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Trụ sở chính: Số 14A đường Phan Đăng Lưu, Quy Nhơn

ĐT: 0256.2200569-Fax: 0256.3547029-DD: 091.4024837

Website: www.daugiataisandongduong.com

Số: **261** /TBĐGTS-DD

Bình Định, ngày 25 tháng 3 năm 2024

THÔNG BÁO ĐẦU GIÁ TÀI SẢN

Căn cứ Luật Đầu giá tài sản năm 2016;

Căn cứ Hợp đồng dịch vụ đầu giá quyền sử dụng đất ở số 07/2024/HĐDVĐG-GPMB ngày 25/3/2024 giữa Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh Bình Định và Công ty đầu giá hợp danh Đông Dương.

Nay Công ty đầu giá hợp danh Đông Dương ban hành thông báo đầu giá tài sản là quyền sử dụng đất ở, cụ thể như sau:

1. Tài sản đầu giá: 112 lô đất ở tại các Khu TĐC phường Bùi Thị Xuân; Khu dân cư tại Cụm kho bãi dọc Quốc lộ 1D, Điểm tái định cư CX4 và Điểm tái định cư C5, Đảo 1B, Bắc sông Hà Thanh, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, với tổng diện tích là 11.780,4m²; Cụ thể như sau:

- Khu dân cư tại Cụm kho bãi dọc Quốc lộ 1D, thành phố Quy Nhơn là 82 lô, với tổng diện tích là 8.557,3m²;

- Khu tái định cư phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn là 18 lô, với tổng diện tích là 2.365,8m²;

- Điểm tái định cư CX4 – Đảo 1B, Bắc sông Hà Thanh, thành phố Quy Nhơn là 09 lô, với tổng diện tích là 637,3m²;

- Điểm tái định cư C5 – Đảo 1B, Bắc sông Hà Thanh, thành phố Quy Nhơn là 03 lô, với tổng diện tích là 220m²;

Hạ tầng kỹ thuật khu đất: Đã hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật;

Vị trí, giới cận các lô đất: Theo hiện trạng khu đất và Bản đồ quy hoạch Tổng mặt bằng sử dụng đất được duyệt;

Mục đích sử dụng đất: Đất ở đô thị;

Hình thức giao đất: Nhà nước giao đất ở có thu tiền sử dụng đất thông qua hình thức đầu giá;

Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài;

Các chỉ tiêu về quy hoạch kiến trúc: Thực hiện theo các Quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các quy định khác có liên quan.

2. Người có tài sản đấu giá: Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh Bình Định

Địa chỉ: Số 20 đường Ngô Thời Nhiệm, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

3. Tổng giá khởi điểm của tài sản: 286.842.260.000 đồng (Hai trăm tám mươi sáu tỷ, tám trăm bốn mươi hai triệu, hai trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn).

4. Thời gian, địa điểm xem tài sản đấu giá: Liên tục kể từ ngày niêm yết cho đến ngày tổ chức cuộc đấu giá, tại nơi có tài sản đấu giá đang tọa lạc.

5. Ký hiệu, vị trí, tên đường, lộ giới, diện tích, giá khởi điểm, tiền đặt trước, tiền hồ sơ tham gia đấu giá, bước giá của từng lô đất; Thời gian, địa điểm bán hồ sơ, đăng ký tham gia đấu giá, nộp khoản tiền đặt trước và tiền hồ sơ tham gia đấu giá, nộp phiếu trả giá, tổ chức cuộc đấu giá: Đính kèm theo bảng chi tiết.

6. Địa điểm nộp khoản tiền đặt trước: Tài khoản của Công ty đấu giá hợp danh Đông Dương gồm:

- Tài khoản số: 111002775169 tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh KCN Phú Tài;

- Tài khoản số: 402034433100003 tại Ngân hàng TMCP Nam Á – Chi nhánh Quy Nhơn;

- Tài khoản số: 4309201002513 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh KCN Phú Tài;

- Tài khoản số: 5587798888 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quy Nhơn;

- Tài khoản số: 1135799999 tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Quy Nhơn;

- Tài khoản số: 019295560001 tại Ngân hàng TMCP Đông Á – Chi nhánh Bình Định;

- Tài khoản số: 22222396868 tại Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Bình Định.

7. Trường hợp có sự thay đổi ngày giờ, thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá thì sẽ có thông báo cụ thể.

8. Hình thức đấu giá: Kết hợp giữa đấu giá bằng bỏ phiếu gián tiếp với đấu giá bằng bỏ phiếu trực tiếp tại cuộc đấu giá.

9. Phương thức đấu giá: Phương thức trả giá lên, bán riêng từng lô đất.

10. Điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

* Người tham gia đấu giá là Hộ gia đình, Cá nhân thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất theo quy định tại Điều 55 của Luật Đất đai, có nhu cầu để xây dựng nhà ở theo quy hoạch được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, không thuộc đối tượng bị cấm tham gia đấu giá theo quy định của pháp luật;

* Người tham gia đấu giá phải nộp 01 bộ hồ sơ tham gia đấu giá hợp lệ của một lô đất đấu giá cho Công ty đấu giá hợp danh Đông Dương gồm:

- 01 Giấy đăng ký và cam kết tham gia đấu giá theo mẫu do Công ty đấu giá hợp danh Đông Dương phát hành. Người tham gia đấu giá phải điền đầy đủ thông tin, ghi lô đất, khu đất, địa điểm tọa lạc của lô đất đấu giá....;

- 01 Bản phô tô thẻ căn cước công dân;

- 01 Chứng từ nộp tiền đặt trước tham gia đấu giá, cụ thể:

+ Số tiền nộp bắt buộc phải đúng bằng số tiền đã quy định, người tham gia đấu giá phải nộp hoặc chuyển khoản vào tài khoản;

+ Chứng từ nộp tiền đặt trước không ghi lô đất đấu giá mà chỉ ghi “*nộp tiền đặt trước tham gia đấu giá đất*”;

+ Trường hợp chuyển tiền bằng Internet Banking thì phần nội dung chuyển tiền phải thể hiện họ tên đầy đủ của người tham gia đấu giá;

+ Đối với trường hợp người khác nộp tiền thay cho người tham gia đấu giá thì phần nội dung nộp tiền phải thể hiện họ tên đầy đủ của người tham gia đấu giá. Người nộp thay không được nộp thay cho người thứ 02 trong cùng 01 lô đất và cũng không được tham gia đấu giá trong cùng 01 lô đất;

- 01 Chứng từ nộp tiền hồ sơ tham gia đấu giá, cụ thể:

+ Người tham gia đấu giá được nộp trực tiếp bằng tiền mặt (tại địa điểm đăng ký tham gia đấu giá hoặc nộp ngân hàng) hoặc chuyển khoản vào tài khoản, có thể nộp riêng cho từng lô đất hoặc cộng nộp chung cho nhiều lô đất tham gia đấu giá;

+ Chứng từ nộp tiền hồ sơ tham gia đấu giá không ghi lô đất đấu giá;

- 01 Phiếu trả giá gián tiếp, cụ thể:

+ Phiếu trả giá bắt buộc phải viết cùng 01 màu mực không bay màu, không được gạch bỏ, sửa chữa, tẩy xóa;

+ Phiếu trả giá bắt buộc phải bỏ vào bì thư đựng phiếu bảo mật, phải dán kín bằng keo dán và phải ký tại mép dán của bì thư;

+ Cách trả giá như sau: Giá sử lô đất có giá khởi điểm là **1.250.000.000** đồng, bước giá là **37.000.000** đồng. Người tham gia đấu giá chọn một trong hai cách ghi phiếu trả giá sau đây:

Hoặc là chọn cách 1 trả giá ghi theo bước giá thì ghi vào phiếu trả giá: **“01 bước, bằng chữ: Một bước”** hoặc **“02 bước, bằng chữ: Hai bước”** hoặc.....;

Hoặc là chọn cách 2 trả giá ghi theo số tiền thì ghi vào phiếu trả giá: **“1.250.000.000 đồng, bằng chữ: Một tỷ, hai trăm năm mươi triệu đồng hoặc giá khởi điểm”** hoặc **“1.287.000.000 đồng, bằng chữ: Một tỷ, hai trăm tám mươi bảy triệu đồng”** hoặc.....;

Trường hợp nếu hồ sơ không đầy đủ các thành phần nêu trên thì xem như không hợp lệ và bị loại không được tham gia cuộc đấu giá;

Người tham gia đấu giá phải bỏ tất cả các loại giấy tờ nêu trên vào thùng đựng hồ sơ và phiếu trả giá;

* Giá trúng đấu giá phải bằng giá khởi điểm hoặc cao hơn giá khởi điểm ít nhất là một bước giá, người tham gia đấu giá phải trả tròn bước giá (ví dụ: Giá trả = giá khởi điểm + n bước giá, với $n \geq 0$ và là số nguyên);

* Điều kiện về mối quan hệ: Trong một lô đất, những người có quan hệ hôn nhân, huyết thống, nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình thì chỉ được một Cá nhân tham gia đấu giá. Trường hợp vi phạm thì xử lý theo quy định của pháp luật;

* Về ủy quyền tham gia đấu giá: Người tham gia đấu giá phải tự mình hoặc ủy quyền cho người khác tham gia đấu giá bằng văn bản phải có công chứng, chứng thực theo quy định của Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;

* Điều kiện để người tham gia đấu giá được vào địa điểm tổ chức cuộc đấu giá như sau:

- Phải xuất trình bản chính Giấy tờ tùy thân có dán ảnh;
- Phải xuất trình bản chính văn bản ủy quyền (nếu là người được ủy quyền).

Mọi chi tiết vui lòng liên hệ tại **Công ty đấu giá hợp danh Đông Dương** để biết các thông tin liên quan về việc đấu giá tài sản.

Nơi nhận:

- Ban GPMB tỉnh Bình Định;
- UBND phường Quang Trung;
- UBND phường Đồng Đa;
- UBND phường Bùi Thị Xuân;
- Niêm yết, lưu hs, Cty ...

TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Việt Hùng

BẢNG CHI TIẾT ĐẦU GIÁ QSDĐ Ở
TÀI CÁC KHU TÀI ĐỊNH CƯ, KHU DÂN CƯ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ QUY NHƠN
(Kèm theo Thông báo đầu giá tài sản số: 261/TBĐGTS-ĐD ngày 25/3/2024)

STT	Ký hiệu lô đất	Tên đường	Lô giới (m)	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm		Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ tham gia đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)
					(đồng/m ²)	(đồng/lô)			
I. Cuộc đấu giá và công bố giá vào ngày 09/5/2024									
1. Điểm tái định cư C5-Đảo 1B, Bắc sông Hà Thanh, thành phố Quy Nhơn									
1	36	Đường khu dân cư hiện trạng (Hoàng Tích Trĩ)	14	120,00	35.000.000	4.200.000.000	840.000.000	500.000	126.000.000
2	72	Đường khu dân cư hiện trạng (Hoàng Tích Trĩ)	14	50,00	40.000.000	2.000.000.000	400.000.000	500.000	60.000.000
3	39	Đường DS1A (Huỳnh Đăng Thơ nói dài)	8	50,00	25.000.000	1.250.000.000	250.000.000	500.000	37.000.000
2. Điểm tái định cư CX4-Đảo 1B, Bắc sông Hà Thanh, thành phố Quy Nhơn									
1	2	Đường Huỳnh Tấn Phát	36	96,80	45.000.000	4.356.000.000	871.200.000	500.000	130.000.000
2	24 (Lô góc)	Đường DS1A và DS2A	9 và 9	64,50	33.600.000	2.167.200.000	433.440.000	500.000	65.000.000
3	27	Đường DS1A	9	68,00	28.000.000	1.904.000.000	380.800.000	500.000	57.000.000
4	28	Đường DS1A	9	68,00	28.000.000	1.904.000.000	380.800.000	500.000	57.000.000
5	29	Đường DS1A	9	68,00	28.000.000	1.904.000.000	380.800.000	500.000	57.000.000
6	30	Đường DS1A	9	68,00	28.000.000	1.904.000.000	380.800.000	500.000	57.000.000
7	31	Đường DS1A	9	68,00	28.000.000	1.904.000.000	380.800.000	500.000	57.000.000
8	32	Đường DS1A	9	68,00	28.000.000	1.904.000.000	380.800.000	500.000	57.000.000
9	33	Đường DS1A	9	68,00	28.000.000	1.904.000.000	380.800.000	500.000	57.000.000
3. Khu tái định cư phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn									
3.1. Khu Ô-01									
1	30	Đường DS1	14	120,00	8.000.000	960.000.000	192.000.000	500.000	28.000.000

STT	Ký hiệu lô đất	Tên đường	Lộ giới (m)	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm		Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ tham gia đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)
					(đồng/m ²)	(đồng/lô)			
2	31	Đường ĐS1	14	120,00	8.000.000	960.000.000	192.000.000	500.000	28.000.000
3.2. Khu Ồ-02									
3	16	Đường ĐS1	14	120,00	8.000.000	960.000.000	192.000.000	500.000	28.000.000
4	18D1	Đường ĐS1	14	80,00	9.000.000	720.000.000	144.000.000	500.000	21.000.000
5	18D2	Đường ĐS1	14	80,80	9.000.000	727.200.000	145.440.000	500.000	21.000.000
6	19	Đường ĐS1	14	124,50	8.000.000	996.000.000	199.200.000	500.000	29.000.000
7	20	Đường ĐS1	14	129,00	8.000.000	1.032.000.000	206.400.000	500.000	30.000.000
8	21	Đường ĐS1	14	133,00	8.000.000	1.064.000.000	212.800.000	500.000	31.000.000
9	22	Đường ĐS1	14	137,00	8.000.000	1.096.000.000	219.200.000	500.000	32.000.000
10	23	Đường ĐS1	14	141,50	8.000.000	1.132.000.000	226.400.000	500.000	33.000.000
11	24	Đường ĐS1	14	145,50	8.000.000	1.164.000.000	232.800.000	500.000	34.000.000
12	25	Đường ĐS1	14	149,50	8.000.000	1.196.000.000	239.200.000	500.000	35.000.000
13	26	Đường ĐS1	14	154,00	8.000.000	1.232.000.000	246.400.000	500.000	36.000.000
14	27	Đường ĐS1	14	158,00	8.000.000	1.264.000.000	252.800.000	500.000	37.000.000
15	28	Đường ĐS1	14	162,00	8.000.000	1.296.000.000	259.200.000	500.000	38.000.000
16	29	Đường ĐS1	14	140,00	8.000.000	1.120.000.000	224.000.000	500.000	33.000.000
17	30	Đường ĐS1	14	140,00	8.000.000	1.120.000.000	224.000.000	500.000	33.000.000
18	31 (Lô góc)	Đường ĐS1 và Đường Huỳnh Thị Cúc	14 và 11	131,00	9.600.000	1.257.600.000	251.520.000	500.000	37.000.000

- Thời gian, địa điểm bán hồ sơ, nộp hồ sơ, đăng ký tham gia đấu giá và nộp phiếu trả giá: Liên tục kể từ ngày niêm yết đến 16 giờ 30 phút ngày 06/5/2024 tại Trụ sở Công ty đấu giá hợp danh Đông Dương;
- Thời gian nộp khoản tiền đặt trước: Đến trước 16 giờ 30 phút ngày 06/5/2024;
- Thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá và công bố giá: Bắt đầu lúc 07 giờ 30 phút ngày 09/5/2024 tại Hội trường Trung tâm Văn hóa – Thông tin – Thể thao thành phố Quy Nhơn; Địa chỉ: Số 47 đường Nguyễn Huệ, phường Lê Lợi, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

II. Cuộc đấu giá và công bố giá vào ngày 16/5/2024

1. Khu dân cư tại Cụm kho bãi dọc Quốc lộ 1D, thành phố Quy Nhơn

1.1. Khu ĐỒ-4

1	01	Đường A4	17,5	154,60	24.000.000	3.710.400.000	742.080.000	500.000	111.000.000
---	----	----------	------	--------	------------	---------------	-------------	---------	-------------



STT	Ký hiệu lô đất	Tên đường	Lộ giới (m)	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm		Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ tham gia đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)
					(đồng/m ²)	(đồng/lô)			
2	02	Đường A4	17,5	150,60	24.000.000	3.614.400.000	722.880.000	500.000	108.000.000
3	03	Đường A4	17,5	146,70	24.000.000	3.520.800.000	704.160.000	500.000	105.000.000
4	04	Đường A4	17,5	142,70	24.000.000	3.424.800.000	684.960.000	500.000	102.000.000
5	05	Đường A4	17,5	139,30	24.000.000	3.343.200.000	668.640.000	500.000	100.000.000
6	06	Đường A4	17,5	136,40	24.000.000	3.273.600.000	654.720.000	500.000	98.000.000
7	07	Đường A4	17,5	133,50	24.000.000	3.204.000.000	640.800.000	500.000	96.000.000
8	08	Đường A4	17,5	130,60	24.000.000	3.134.400.000	626.880.000	500.000	94.000.000
9	09	Đường A4	17,5	127,60	24.000.000	3.062.400.000	612.480.000	500.000	91.000.000
10	12	Đường A4	17,5	118,90	24.000.000	2.853.600.000	570.720.000	500.000	85.000.000
11	13	Đường A4	17,5	116,10	24.000.000	2.786.400.000	557.280.000	500.000	83.000.000
12	14	Đường A4	17,5	188,70	24.000.000	4.528.800.000	905.760.000	500.000	135.000.000

1.2. Khu ĐO-5

13	03 (Lô góc)	Đường A1 và Đường A2	20 và 12	111,50	42.000.000	4.683.000.000	936.600.000	500.000	140.000.000
----	----------------	----------------------	----------	--------	------------	---------------	-------------	---------	-------------

1.3. Khu ĐO-8

14	02	Đường A5	13	90,00	27.000.000	2.430.000.000	486.000.000	500.000	72.000.000
15	03	Đường A5	13	90,00	27.000.000	2.430.000.000	486.000.000	500.000	72.000.000
16	07	Đường A5	13	90,00	27.000.000	2.430.000.000	486.000.000	500.000	72.000.000
17	08	Đường A5	13	90,00	27.000.000	2.430.000.000	486.000.000	500.000	72.000.000
18	09	Đường A5	13	90,00	27.000.000	2.430.000.000	486.000.000	500.000	72.000.000
19	10	Đường A5	13	90,00	27.000.000	2.430.000.000	486.000.000	500.000	72.000.000
20	12	Đường A5	13	90,00	27.000.000	2.430.000.000	486.000.000	500.000	72.000.000
21	13	Đường A5	13	90,00	27.000.000	2.430.000.000	486.000.000	500.000	72.000.000
22	14	Đường A5	13	90,00	27.000.000	2.430.000.000	486.000.000	500.000	72.000.000
23	15	Đường A5	13	90,00	27.000.000	2.430.000.000	486.000.000	500.000	72.000.000

STT	Ký hiệu lô đất	Tên đường	Lộ giới (m)	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm		Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ tham gia đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)
					(đồng/m ²)	(đồng/lô)			
1.4. Khu ĐÔ-10									
24	01 (Lô góc)	Đường A4 và Đường Trạng Quỳnh	16 và 12	113,60	33.600.000	3.816.960.000	763.392.000	500.000	114.000.000
2. Các lô đất còn lại do không có người tham gia đấu giá hoặc không hợp lệ, không đủ điều kiện đấu giá của cuộc đấu giá ngày 09/5/2024 các Khu tái định cư phường Bùi Thị Xuân; Điểm tái định cư C5 và Điểm tái định cư CX4-Đảo 1B, Bắc sông Hà Thanh, thành phố Quy Nhơn									
- Thời gian, địa điểm bán hồ sơ, nộp hồ sơ, đăng ký tham gia đấu giá và nộp phiếu trả giá: Liên tục kể từ ngày niêm yết đến 16 giờ 30 phút ngày 13/5/2024 tại Trụ sở Công ty đầu giá hợp danh Đông Dương;									
- Thời gian nộp khoản tiền đặt trước: Đến trước 16 giờ 30 phút ngày 13/5/2024;									
- Thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá và công bố giá: Bắt đầu lúc 07 giờ 30 phút ngày 16/5/2024 tại Hội trường Trung tâm Văn hóa – Thông tin – Thể thao thành phố Quy Nhơn; Địa chỉ: Số 47 đường Nguyễn Huệ, phường Lê Lợi, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.									
III. Cuộc đấu giá và công bố giá vào ngày 23/5/2024									
1. Khu dân cư tại Cụm kho bãi dọc Quốc lộ 1D, thành phố Quy Nhơn (Khu ĐÔ-11)									
1	1 (Lô góc)	Đường A5 và Đường Trạng Quỳnh	13 và 12	79,50	32.400.000	2.575.800.000	515.160.000	500.000	77.000.000
2	2	Đường Trạng Quỳnh	12	87,50	27.000.000	2.362.500.000	472.500.000	500.000	70.000.000
3	3	Đường Trạng Quỳnh	12	87,50	27.000.000	2.362.500.000	472.500.000	500.000	70.000.000
4	4	Đường Trạng Quỳnh	12	87,50	27.000.000	2.362.500.000	472.500.000	500.000	70.000.000
5	5 (Lô góc)	Đường Trạng Quỳnh và Đường A4	12 và 16	142,00	33.600.000	4.771.200.000	954.240.000	500.000	143.000.000
6	7	Đường A4	16	100,00	28.000.000	2.800.000.000	560.000.000	500.000	84.000.000
7	8	Đường A4	16	100,00	28.000.000	2.800.000.000	560.000.000	500.000	84.000.000
8	9	Đường A4	16	100,00	28.000.000	2.800.000.000	560.000.000	500.000	84.000.000
9	10	Đường A4	16	100,00	28.000.000	2.800.000.000	560.000.000	500.000	84.000.000
10	11	Đường A4	16	100,00	28.000.000	2.800.000.000	560.000.000	500.000	84.000.000
11	13	Đường A4	16	100,00	28.000.000	2.800.000.000	560.000.000	500.000	84.000.000
12	14	Đường A4	16	100,00	28.000.000	2.800.000.000	560.000.000	500.000	84.000.000
13	15	Đường A4	16	100,00	28.000.000	2.800.000.000	560.000.000	500.000	84.000.000

STT	Ký hiệu lô đất	Tên đường	Lô giới (m)	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm		Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ tham gia đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)
					(đồng/m ²)	(đồng/lô)			
14	16	Đường A4	16	100,00	28.000.000	2.800.000.000	560.000.000	500.000	84.000.000
15	17	Đường A4	16	100,00	28.000.000	2.800.000.000	560.000.000	500.000	84.000.000
16	18	Đường A4	16	100,00	28.000.000	2.800.000.000	560.000.000	500.000	84.000.000
17	19	Đường A4	16	100,00	28.000.000	2.800.000.000	560.000.000	500.000	84.000.000
18	20	Đường A4	16	100,00	28.000.000	2.800.000.000	560.000.000	500.000	84.000.000
19	21	Đường A4	16	100,00	28.000.000	2.800.000.000	560.000.000	500.000	84.000.000
20	22	Đường A4	16	111,40	28.000.000	3.119.200.000	623.840.000	500.000	93.000.000
21	23 (Lô góc)	Đường A4 và Đường A1	16 và 20	89,50	42.000.000	3.759.000.000	751.800.000	500.000	112.000.000
22	24	Đường A1	20	100,00	35.000.000	3.500.000.000	700.000.000	500.000	105.000.000
23	25	Đường A1	20	100,00	35.000.000	3.500.000.000	700.000.000	500.000	105.000.000
24	26	Đường A1	20	100,00	35.000.000	3.500.000.000	700.000.000	500.000	105.000.000
25	27	Đường A1	20	98,40	35.000.000	3.444.000.000	688.800.000	500.000	103.000.000
26	28 (Lô góc)	Đường A1 và Đường A5	20 và 13	155,20	42.000.000	6.518.400.000	1.303.680.000	500.000	195.000.000
27	29	Đường A5	13	81,60	27.000.000	2.203.200.000	440.640.000	500.000	66.000.000
28	30	Đường A5	13	80,10	27.000.000	2.162.700.000	432.540.000	500.000	64.000.000
29	31	Đường A5	13	83,50	27.000.000	2.254.500.000	450.900.000	500.000	67.000.000
30	32	Đường A5	13	87,00	27.000.000	2.349.000.000	469.800.000	500.000	70.000.000

2. Các lô đất còn lại do không có người tham gia đấu giá hoặc không hợp lệ, không đủ điều kiện đấu giá của cuộc đấu giá ngày 16/5/2024 các Khu dân cư tại Cụm kho bãi dọc Quốc lộ 1D; Khu tái định cư phường Bùi Thị Xuân; Điểm tái định cư C5 và Điểm tái định cư CX4-Đảo 1B, Bắc sông Hà Thanh, thành phố Quy Nhơn

- Thời gian, địa điểm bán hồ sơ, nộp hồ sơ, đăng ký tham gia đấu giá và nộp phiếu trả giá: Liên tục kể từ ngày niêm yết đến 16 giờ 30 phút ngày 20/5/2024 tại Trụ sở Công ty đấu giá hợp danh Đông Dương;

- Thời gian nộp khoản tiền đặt trước: Đến trước 16 giờ 30 phút ngày 20/5/2024;

- Thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá và công bố giá: Bắt đầu lúc 07 giờ 30 phút ngày 23/5/2024 tại Hội trường Trung tâm Văn hóa – Thông tin – Thể thao thành phố Quy Nhơn; Địa chỉ: Số 47 đường Nguyễn Huệ, phường Lê Lợi, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

STT	Ký hiệu lô đất	Tên đường	Lộ giới (m)	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm		Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ tham gia đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)
					(đồng/m ²)	(đồng/lô)			
IV. Cuộc đấu giá và công bố giá vào ngày 30/5/2024									
1. Khu dân cư tại Cụm kho bãi dọc Quốc lộ 1D, thành phố Quy Nhơn									
1.1. Khu ĐỒ-11									
1	33	Đường A5	13	90,50	27.000.000	2.443.500.000	488.700.000	500.000	73.000.000
2	34	Đường A5	13	94,00	27.000.000	2.538.000.000	507.600.000	500.000	76.000.000
3	35	Đường A5	13	125,20	27.000.000	3.380.400.000	676.080.000	500.000	101.000.000
4	36	Đường A5	13	100,00	27.000.000	2.700.000.000	540.000.000	500.000	81.000.000
5	37	Đường A5	13	100,00	27.000.000	2.700.000.000	540.000.000	500.000	81.000.000
6	38	Đường A5	13	100,00	27.000.000	2.700.000.000	540.000.000	500.000	81.000.000
7	39	Đường A5	13	100,00	27.000.000	2.700.000.000	540.000.000	500.000	81.000.000
8	40	Đường A5	13	100,00	27.000.000	2.700.000.000	540.000.000	500.000	81.000.000
9	41	Đường A5	13	100,00	27.000.000	2.700.000.000	540.000.000	500.000	81.000.000
10	42	Đường A5	13	100,00	27.000.000	2.700.000.000	540.000.000	500.000	81.000.000
11	43	Đường A5	13	100,00	27.000.000	2.700.000.000	540.000.000	500.000	81.000.000
1.2. Khu ĐỒ-12									
12	01 (Lô góc)	Đường Trạng Quỳnh và đường bê tông dân sinh hiện trạng	12 và 6,6	105,00	29.700.000	3.118.500.000	623.700.000	500.000	93.000.000
13	02	Đường Trạng Quỳnh	12	87,50	27.000.000	2.362.500.000	472.500.000	500.000	70.000.000
14	03	Đường Trạng Quỳnh	12	87,50	27.000.000	2.362.500.000	472.500.000	500.000	70.000.000
15	04 (Lô góc)	Đường Trạng Quỳnh và Đường A5	12 và 13	97,00	32.400.000	3.142.800.000	628.560.000	500.000	94.000.000

STT	Ký hiệu lô đất	Tên đường	Lô giới (m)	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm		Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ tham gia đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)
					(đồng/m ²)	(đồng/lô)			
16	05 Lô có 2 mặt đường (nhưng không phải lô góc)	Đường A5 và Đường bê tông dân sinh hiện trạng	Một mặt tiếp giáp đường A5 lộ giới 13m một mặt tiếp giáp đường bê tông dân sinh hiện trạng lộ giới khoảng từ 6,6m đến 5,7m	110,00	28.000.000	3.080.000.000	616.000.000	500.000	92.000.000
17	06 Lô có 2 mặt đường (nhưng không phải lô góc)	Đường A5 và Đường bê tông dân sinh hiện trạng	Một mặt tiếp giáp đường A5 lộ giới 13m một mặt tiếp giáp đường bê tông dân sinh hiện trạng lộ giới khoảng từ 6,6m đến 5,7m	110,00	28.000.000	3.080.000.000	616.000.000	500.000	92.000.000
18	07 Lô có 2 mặt đường (nhưng không phải lô góc)	Đường A5 và Đường bê tông dân sinh hiện trạng	Một mặt tiếp giáp đường A5 lộ giới 13m một mặt tiếp giáp đường bê tông dân sinh hiện trạng lộ giới khoảng từ 6,6m đến 5,7m	110,00	28.000.000	3.080.000.000	616.000.000	500.000	92.000.000
19	08 Lô có 2 mặt đường (nhưng không phải lô góc)	Đường A5 và Đường bê tông dân sinh hiện trạng	Một mặt tiếp giáp đường A5 lộ giới 13m một mặt tiếp giáp đường bê tông dân sinh hiện trạng lộ giới khoảng từ 6,6m đến 5,7m	110,00	28.000.000	3.080.000.000	616.000.000	500.000	92.000.000
20	09 Lô có 2 mặt đường (nhưng không phải lô góc)	Đường A5 và Đường bê tông dân sinh hiện trạng	Một mặt tiếp giáp đường A5 lộ giới 13m một mặt tiếp giáp đường bê tông dân sinh hiện trạng lộ giới khoảng từ 6,6m đến 5,7m	110,00	28.000.000	3.080.000.000	616.000.000	500.000	92.000.000
21	10 Lô có 2 mặt đường (nhưng không phải lô góc)	Đường A5 và Đường bê tông dân sinh hiện trạng	Một mặt tiếp giáp đường A5 lộ giới 13m một mặt tiếp giáp đường bê tông dân sinh hiện trạng lộ giới khoảng từ 6,6m đến 5,7m	110,00	28.000.000	3.080.000.000	616.000.000	500.000	92.000.000

STT	Ký hiệu lô đất	Tên đường	Lộ giới (m)	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm		Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ tham gia đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)
					(đồng/m ²)	(đồng/lô)			
22	11 Lô có 2 mặt đường (nhưng không phải lô góc)	Đường A5 và Đường bê tông dân sinh hiện trạng	Một mặt tiếp giáp đường A5 lộ giới 13m một mặt tiếp giáp đường bê tông dân sinh hiện trạng lộ giới khoảng từ 6,6m đến 5,7m	110,00	28.000.000	3.080.000.000	616.000.000	500.000	92.000.000
23	12 Lô có 2 mặt đường (nhưng không phải lô góc)	Đường A5 và Đường bê tông dân sinh hiện trạng	Một mặt tiếp giáp đường A5 lộ giới 13m một mặt tiếp giáp đường bê tông dân sinh hiện trạng lộ giới khoảng từ 6,6m đến 3,5m	119,10	28.000.000	3.334.800.000	666.960.000	500.000	100.000.000
24	13 Lô có 2 mặt đường (nhưng không phải lô góc)	Đường A5 và Đường bê tông dân sinh hiện trạng	Một mặt tiếp giáp đường A5 lộ giới 13m một mặt tiếp giáp đường bê tông dân sinh hiện trạng lộ giới khoảng từ 3,5m đến 4,7m	80,00	28.000.000	2.240.000.000	448.000.000	500.000	67.000.000
25	14 Lô có 2 mặt đường (nhưng không phải lô góc)	Đường A5 và Đường bê tông dân sinh hiện trạng	Một mặt tiếp giáp đường A5 lộ giới 13m một mặt tiếp giáp đường bê tông dân sinh hiện trạng lộ giới khoảng từ 3,5m đến 4,7m	80,00	28.000.000	2.240.000.000	448.000.000	500.000	67.000.000
26	15 Lô có 2 mặt đường (nhưng không phải lô góc)	Đường A5 và Đường bê tông dân sinh hiện trạng	Một mặt tiếp giáp đường A5 lộ giới 13m một mặt tiếp giáp đường bê tông dân sinh hiện trạng lộ giới khoảng từ 3,5m đến 4,7m	80,00	28.000.000	2.240.000.000	448.000.000	500.000	67.000.000
27	18 Lô có 2 mặt đường (nhưng không phải lô góc)	Đường A5 và Đường bê tông dân sinh hiện trạng	Một mặt tiếp giáp đường A5 lộ giới 13m một mặt tiếp giáp đường bê tông dân sinh hiện trạng lộ giới khoảng từ 3,5m đến 4,7m	80,00	28.000.000	2.240.000.000	448.000.000	500.000	67.000.000

STT	Ký hiệu lô đất	Tên đường	Lộ giới (m)	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm		Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ tham gia đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)
					(đồng/m ²)	(đồng/lô)			
28	22 Lô có 2 mặt đường (nhưng không phải lô góc)	Đường A5 và Đường bê tông dân sinh hiện trạng	Một mặt tiếp giáp đường A5 lộ giới 13m một mặt tiếp giáp đường bê tông dân sinh hiện trạng lộ giới khoảng từ 3,5m đến 4,7m	80,00	28.000.000	2.240.000.000	448.000.000	500.000	67.000.000

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

KINH ĐOANH

K

